

Số: *M* /2020/QĐ-UBND

Quảng Bình, ngày *09* tháng *6* năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định về Quản lý, vận hành khai thác và bảo trì công trình đường bộ đối với hệ thống đường địa phương trên địa bàn tỉnh Quảng Bình

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

Căn cứ Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

Căn cứ Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 33/2019/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

Căn cứ Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

Căn cứ Thông tư số 35/2017/TT-BGTVT ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2015/BGTVT ngày 23 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

Căn cứ Thông tư số 37/2018/TT-BGTVT ngày 07 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải quy định về quản lý, vận hành, khai thác và bảo trì công trình đường bộ;

Theo đề nghị của Sở Giao thông Vận tải tại Tờ trình số 994/TTr-SGTVT ngày 28 tháng 4 năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về quản lý, vận hành khai thác và bảo trì công trình đường bộ đối với hệ thống đường địa phương trên địa bàn tỉnh Quảng Bình.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2020 và thay thế Quyết định số 24/2014/QĐ-UBND ngày 03/10/2014 của UBND tỉnh Quảng Bình ban hành Quy định về công tác quản lý, khai thác và bảo trì đường bộ trên địa bàn tỉnh Quảng Bình.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Giao thông Vận tải, Xây dựng; Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Thủ trưởng các sở, ban ngành có liên quan; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Giao thông Vận tải;
- Tổng cục Đường bộ Việt Nam;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Báo QB, Đài PT-TH QB;
- Trung tâm TH công báo;
- VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, CV XDCB.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Xuân Quang

QUY ĐỊNH

**Về quản lý, vận hành khai thác và bảo trì công
trình đường bộ đối với hệ thống đường địa phương trên địa bàn
tỉnh Quảng Bình**

(Ban hành kèm theo Quyết định số *M* /2020/QĐ-UBND
ngày *03* / *6* /2020 của UBND tỉnh Quảng Bình)

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về quản lý, vận hành khai thác và bảo trì công trình đường bộ đối với hệ thống đường địa phương bao gồm đường tỉnh, đường huyện, đường xã, đường đô thị, đường chuyên dùng trên địa bàn tỉnh Quảng Bình.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có liên quan đến quản lý, vận hành khai thác và bảo trì công trình đường bộ đối với hệ thống đường tỉnh, đường huyện, đường xã, đường đô thị và đường chuyên dùng trên địa bàn tỉnh Quảng Bình.

Điều 3. Trách nhiệm quản lý, khai thác và bảo trì công trình đường bộ

1. Sở Giao thông Vận tải có trách nhiệm tổ chức thực hiện công tác quản lý, vận hành khai thác và bảo trì hệ thống đường tỉnh và đường đô thị được Ủy ban nhân dân tỉnh giao và phân cấp quản lý. Thực hiện quyền, trách nhiệm khác đối với công tác quản lý, vận hành khai thác và bảo trì công trình đường bộ thuộc hệ thống đường địa phương theo quy định của pháp luật.

2. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố (sau đây gọi tắt là UBND cấp huyện) có trách nhiệm quản lý, vận hành khai thác và bảo trì hệ thống đường huyện, đường đô thị (trừ các tuyến đường đô thị nêu ở khoản 1) trong địa giới hành chính thuộc phạm vi quản lý.

3. Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn (sau đây gọi tắt là UBND cấp xã) có trách nhiệm quản lý, vận hành khai thác, bảo trì hệ thống đường xã, đường giao thông nông thôn trong địa giới hành chính thuộc phạm vi quản lý.

4. Các nhà thầu quản lý, vận hành khai thác và bảo trì công trình đường bộ và các hoạt động khác liên quan đến bảo trì công trình đường bộ thực hiện việc quản lý, vận hành khai thác và bảo trì công trình đường bộ được giao theo quy định tại Quyết định này và các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật, quy trình bảo trì, quy trình vận hành khai thác công trình (đối với các công trình có quy trình khai thác), nội dung quy định trong hợp đồng đã ký với cơ quan quản lý.

5. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân chủ sở hữu công trình đường bộ chuyên dùng, đường bộ đầu tư xây dựng và khai thác theo hình thức đối tác công tư (PPP) có trách nhiệm tổ chức quản lý, vận hành khai thác và bảo trì công trình do mình quản lý.

Điều 4. Phê duyệt quy trình bảo trì công trình đường bộ

1. Đối với các dự án đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp, mở rộng công trình đường bộ, việc phê duyệt quy trình bảo trì thực hiện như sau:

(Handwritten mark)

a) Cơ quan có thẩm quyền phê duyệt Dự án đầu tư theo phân cấp của UBND tỉnh Quảng Bình là cơ quan phê duyệt quy trình bảo trì trên cơ sở đề xuất của cơ quan quản lý nhà nước về công trình đường bộ theo phân cấp.

b) Đối với các trường hợp không quy định tại điểm a khoản 1 Điều này, chủ sở hữu hoặc người quản lý sử dụng công trình đường bộ tổ chức lập, phê duyệt quy trình bảo trì công trình theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 38 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP.

2. Đối với các công trình đã đưa vào khai thác, sử dụng nhưng chưa có quy trình bảo trì, thẩm quyền phê duyệt như sau:

a) Sở Giao thông Vận tải phê duyệt quy trình bảo trì các công trình đường bộ thuộc hệ thống đường tỉnh và đường đô thị được giao quản lý;

b) UBND cấp huyện phê duyệt quy trình bảo trì các công trình đường bộ thuộc hệ thống đường huyện, đường đô thị được giao quản lý;

c) UBND cấp xã phê duyệt quy trình bảo trì các công trình đường bộ thuộc hệ thống đường xã, đường giao thông nông thôn được giao quản lý.

d) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân sở hữu công trình đường bộ chuyên dùng phê duyệt quy trình bảo trì các công trình đường bộ thuộc hệ thống đường chuyên dùng.

Điều 5. Lập, phê duyệt và điều chỉnh kế hoạch bảo trì công trình đường bộ

1. Kế hoạch bảo trì công trình đường bộ sử dụng vốn Ngân sách Nhà nước phải có đầy đủ các thông tin: danh mục, hạng mục công trình; khối lượng chủ yếu, kinh phí thực hiện; quy mô giải pháp kỹ thuật sửa chữa, bảo trì; thời gian, phương thức thực hiện và mức độ ưu tiên. Kế hoạch bảo trì công trình đường bộ được lập theo biểu mẫu quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 37/2018/TT-BGTVT.

2. Các công việc trong kế hoạch bảo trì công trình đường bộ:

a) Bảo dưỡng thường xuyên công trình đường bộ:

Bao gồm các công việc theo tiêu chuẩn kỹ thuật về bảo dưỡng thường xuyên công trình đường bộ và quy trình bảo trì; điện chiếu sáng, thiết bị lắp đặt vào công trình đường bộ.

Kế hoạch công tác bảo dưỡng thường xuyên được xây dựng cho khối lượng công việc thường xuyên trong 3 năm. Trên cơ sở kế hoạch bảo trì được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Sở Tài chính tham mưu cho Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh cấp kinh phí quản lý bảo trì đường bộ đối với công tác bảo dưỡng thường xuyên ổn định 3 năm.

b) Sửa chữa định kỳ bao gồm: Kế hoạch công tác sửa chữa định kỳ được xây dựng trên cơ sở định mức, quy trình bảo trì và thực tế hư hỏng của từng tuyến, đoạn tuyến đường bộ thời gian thực hiện công trình, hạng mục công trình từ 01 đến 02 năm

c) Sửa chữa đột xuất là công trình, hạng mục công trình được sự chỉ đạo của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh và Sở Giao thông Vận tải, UBND cấp huyện để khắc phục đảm bảo giao thông an toàn, thông suốt; xử lý điểm đen, điểm tiềm ẩn tai nạn giao thông, công trình đột xuất khi bị hư hỏng do chịu tác động của thiên tai hoặc bị xuống cấp ảnh hưởng đến an toàn sử dụng, vận hành, khai thác công trình.

d) Các nội dung công việc khác: Sửa chữa thiết bị, nhà trạm kiểm tra tải trọng xe cố định, lưu động; kiểm tra quan trắc, kiểm định chất lượng công trình đường bộ;

sửa chữa phương tiện, thiết bị phục vụ trực tiếp công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động bảo trì đường bộ; hoạt động thanh tra, kiểm tra kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

Công việc được ưu tiên trong kế hoạch bảo trì hàng năm: Bảo dưỡng thường xuyên công trình đường bộ; khối lượng của dự án chuyển tiếp từ năm trước chuyển sang năm sau; Sửa chữa, khắc phục hậu quả thiên tai; sự cố công trình; sửa chữa bổ sung hệ thống an toàn giao thông, các công trình đảm bảo an toàn giao thông, xử lý điểm đen tai nạn giao thông, sửa chữa cầu yếu, cầu hẹp; sửa chữa các tuyến đường hư hỏng mất an toàn giao thông; sửa chữa định kỳ nền, mặt đường các tuyến đường đã khai thác hết thời hạn bảo trì; sửa chữa các hạng mục công việc khác.

3. Lập Kế hoạch bảo trì công trình đường bộ sử dụng vốn Ngân sách Nhà nước:

a) Hàng năm, căn cứ vào định mức, quy trình bảo trì và tình trạng công trình đường bộ, cơ quan được giao quản lý, bảo trì công trình đường bộ trên địa bàn tỉnh (Sở Giao thông vận tải, UBND cấp huyện, UBND cấp xã) lập kế hoạch bảo trì công trình đường bộ.

b) UBND cấp huyện đề xuất danh mục, hạng mục công trình hỗ trợ từ nguồn kinh phí quản lý, bảo trì đường bộ do Ngân sách trung ương hỗ trợ có mục tiêu gửi Sở Giao thông vận tải tổng hợp trước 30 tháng 9 hàng năm.

Sở Giao thông vận tải lập kế hoạch bảo trì công trình đường bộ đối với hệ thống đường tỉnh, các tuyến đường khác do Sở Giao thông vận tải quản lý và tổng hợp danh mục công trình bảo trì đường bộ do UBND cấp huyện đề xuất hỗ trợ trình UBND tỉnh phê duyệt.

4. Phê duyệt kế hoạch bảo trì công trình đường bộ sử dụng vốn Ngân sách Nhà nước:

a. UBND tỉnh phê duyệt kế hoạch bảo trì hàng năm đối với công trình, hạng mục công trình đường bộ trên hệ thống đường tỉnh và đường đô thị do Sở Giao thông vận tải quản lý và danh mục các công trình, hạng mục công trình đường bộ do UBND cấp huyện quản lý đề xuất hỗ trợ kinh phí từ nguồn Ngân sách Trung ương hỗ trợ có mục tiêu trên cơ sở kế hoạch bảo trì do Sở Giao thông Vận tải lập.

- Hàng năm, căn cứ vào tình trạng công trình đường bộ, các thông tin về quy mô và kết cấu công trình, lịch sử sửa chữa bảo trì, các dữ liệu khác về các tuyến đường, công trình đường bộ, tiêu chuẩn kỹ thuật và quy trình bảo trì, định mức kinh tế - kỹ thuật, công việc và danh mục tuyến đường ưu tiên quy định tại điểm c, khoản 2 Điều này, Sở Giao thông Vận tải chủ trì lập, trình Ủy ban nhân dân tỉnh trước ngày 30 tháng 9 nhu cầu quản lý, bảo trì cho năm sau (Đối với các công trình do UBND cấp huyện đề xuất, Sở Giao thông Vận tải chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và UBND cấp huyện để tiến hành kiểm tra thực tế hiện trường công trình đường bộ, trao đổi, thống nhất xác định mức độ hư hỏng và đề xuất quy mô, giải pháp sửa chữa làm cơ sở lập nhu cầu bảo trì).

- Trước ngày 30 tháng 10 hàng năm, Ủy ban nhân dân tỉnh chấp thuận nhu cầu quản lý, bảo trì cho năm sau (gồm danh mục tuyến đường, hạng mục công việc ưu tiên trong quản lý, bảo dưỡng thường xuyên và cho phép chuẩn bị đầu tư các dự án sửa chữa định kỳ).

- Căn cứ nội dung chấp thuận nhu cầu quản lý, bảo trì được chấp thuận và khả năng cân đối của Ngân sách tỉnh cho bảo trì đường bộ, Sở Giao thông Vận tải lập kế hoạch quản lý, bảo trì trình Sở Tài chính thẩm định trước ngày 30 tháng 11 hàng năm để trình UBND tỉnh phê duyệt và bố trí dự toán ngân sách để thực hiện.

b) UBND cấp huyện phê duyệt kế hoạch bảo trì hàng năm đối với công trình, hạng mục công trình đường bộ đối với đường huyện, đường đô thị, đường xã, đường giao thông nông thôn trên địa bàn mình quản lý.

- Hàng năm, căn cứ vào tình trạng công trình đường bộ, các thông tin về quy mô và kết cấu công trình, lịch sử sửa chữa bảo trì, các dữ liệu khác về các tuyến đường, công trình đường bộ, tiêu chuẩn kỹ thuật và quy trình bảo trì, định mức kinh tế - kỹ thuật, công việc và danh mục tuyến đường ưu tiên quy định tại điểm c khoản 2 Điều này, cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện chủ trì lập, trình UBND cấp huyện trước ngày 30 tháng 9 nhu cầu quản lý, bảo trì cho năm sau.

- Trước ngày 30 tháng 10 hàng năm, UBND cấp huyện chấp thuận nhu cầu quản lý, bảo trì cho năm sau (gồm danh mục tuyến đường, hạng mục công việc ưu tiên trong quản lý, bảo dưỡng thường xuyên và cho phép chuẩn bị đầu tư các dự án sửa chữa định kỳ). Căn cứ nội dung chấp thuận nhu cầu quản lý, bảo trì và khả năng cân đối ngân sách địa phương cho công tác quản lý bảo trì đường bộ, cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện, UBND cấp xã lập kế hoạch quản lý, bảo trì hệ thống đường bộ theo phân cấp quản lý trình trình UBND cấp huyện xem xét, thẩm định, phê duyệt và bố trí ngân sách để thực hiện.

c) Đối với công trình đường bộ chuyên dùng: Trước ngày 31 tháng 12 năm trước liền kề, chủ sở hữu công trình đường bộ chuyên dùng lập và phê duyệt kế hoạch bảo trì trên cơ sở quy trình bảo trì được duyệt, hiện trạng công trình theo quy định tại khoản 1 Điều 39 của Nghị định số 46/2015/NĐ-CP;

5. Đối với các công trình sửa chữa cần bổ sung kế hoạch, Sở Giao thông Vận tải chủ trì, phối hợp với Sở kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, rà soát, kiểm tra hiện trường để xác định mức độ hư hỏng, đề xuất quy mô và giải pháp sửa chữa trình UBND tỉnh chấp thuận chủ trương lập dự án sửa chữa và bổ sung vào kế hoạch bảo trì đường bộ.

Điều 6. Thực hiện kế hoạch bảo trì công trình đường bộ

1. Đối với hệ thống bộ sử dụng ngân sách Nhà nước: Căn cứ kế hoạch bảo trì công trình đường bộ hàng năm được phê duyệt, quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật bảo trì, quy trình bảo trì công trình được duyệt, Sở Giao thông Vận tải, UBND cấp huyện, UBND cấp xã, đơn vị được phân cấp, ủy quyền hoặc đơn vị được giao là người trực tiếp quản lý công trình đường bộ tổ chức thực hiện kế hoạch bảo trì công trình;

2. Đối với công trình đường bộ chuyên dùng, chủ sở hữu công trình đường bộ chuyên dùng tổ chức thực hiện kế hoạch bảo trì công trình đường bộ do mình đầu tư và chịu sự kiểm tra, giám sát của cơ quan quản lý nhà nước theo quy định.

3. Cơ quan, tổ chức được giao thực hiện kế hoạch bảo trì tại khoản 1 Điều này, có trách nhiệm triển khai thực hiện bảo đảm tiến độ, chất lượng, hiệu quả sử dụng vốn trong kế hoạch bảo trì theo đúng quy định của pháp luật.

4. Kiểm tra việc thực hiện kế hoạch bảo trì: Cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, giao Kế hoạch bảo trì có trách nhiệm kiểm tra các cơ quan, đơn vị trong việc thực hiện kế hoạch bảo trì được giao bảo đảm tiến độ, chất lượng, hiệu quả sử dụng vốn trong kế hoạch bảo trì theo đúng quy định của pháp luật;

Điều 7. Báo cáo thực hiện công tác bảo trì công trình đường bộ

1. Sở Giao thông Vận tải tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh và Tổng cục Đường bộ Việt Nam về tình hình quản lý, bảo trì hệ thống đường tỉnh, đường đô thị, đường

huyện và các đường địa phương khác, đường chuyên dùng trước ngày 12 tháng 12 hàng năm.

2. UBND cấp huyện tổng hợp, báo cáo Sở Giao thông Vận tải về tình hình quản lý, bảo trì hệ thống đường đô thị, đường huyện, đường xã và các đường địa phương khác trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý trước ngày 05 tháng 12 hàng năm.

3. UBND cấp xã tổng hợp, báo cáo UBND cấp huyện về tình hình quản lý, bảo trì hệ thống đường đường xã, đường giao thông nông thôn và các đường địa phương khác trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý trước ngày 30 tháng 11 hàng năm.

4. Nội dung báo cáo theo quy định tại Phụ lục III-Thông số 37/2018/TT-BGTVT ngày 07/6/2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải.

5. Ngoài báo cáo định kỳ theo quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều này, cơ quan quản lý, bảo trì đường bộ theo phân cấp quản lý có trách nhiệm báo cáo đột xuất khi có sự kiện bất khả kháng ảnh hưởng đến công trình đường bộ hoặc theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền; thực hiện các báo cáo khác theo quy định của pháp luật về kế hoạch đầu tư.

Điều 8. Tổ chức thực hiện

1. Sở Giao thông Vận tải, UBND cấp huyện, UBND cấp xã được phân cấp tại Điều 3 Quy định này và các tổ chức, cá nhân sở hữu công trình đường bộ chuyên dùng trên địa bàn tỉnh Quảng Bình chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện công tác quản lý, vận hành khai thác và bảo trì hệ thống đường bộ được giao quản lý; đồng thời thực hiện nghiêm túc chế độ báo cáo định kỳ, báo cáo đột xuất công tác quản lý, vận hành khai thác và bảo trì hệ thống đường bộ được giao quản lý theo Quy định này.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư và Sở Tài chính theo chức năng, nhiệm vụ có trách nhiệm tham mưu cho UBND tỉnh về phân bổ nguồn vốn quản lý, vận hành khai thác và bảo trì hệ thống đường bộ sử dụng Ngân sách Nhà nước hàng năm; theo dõi, kiểm tra, giám sát việc sử dụng nguồn vốn theo quy định của pháp luật.

3. Đối với các nội dung về quản lý, vận hành khai thác và bảo trì công trình đường bộ không quy định tại Quy định này, thực hiện theo quy định tại Thông tư số 37/2018/TT-BGTVT và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

4. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc các tổ chức, cá nhân liên quan có văn bản đề xuất gửi về Sở Giao thông vận tải tổng hợp, nghiên cứu báo cáo UBND tỉnh xem xét, điều chỉnh cho phù hợp. /.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Xuân Quang

